

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Môn: **ĐỊA LÍ**Thời gian: **180 phút** (không kể thời gian giao đề)Ngày thi: **11/01/2013**

(Đề thi có 02 trang, gồm 07 câu)

Câu 1. (3 điểm)

- a) Tại sao ở khu vực chí tuyến có nhiệt độ trung bình năm cao hơn ở Xích đạo và càng về vĩ độ cao thì biên độ nhiệt năm càng lớn, sự chênh lệch độ dài ngày đêm càng nhiều?
- b) Giải thích nguyên nhân làm cho phân bố đất trên lục địa cũng tuân theo phân bố của khí hậu và sinh vật.

Câu 2. (2 điểm)

- a) Tại sao trong số các nguồn năng lượng được sử dụng trên thế giới, năng lượng mặt trời, địa nhiệt, sức gió rất được coi trọng?
- b) Sự phát triển của giao thông vận tải có tác động như thế nào đến phân bố dân cư đô thị?

Câu 3. (3 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích đặc điểm của sông ngòi nước ta.

Câu 4. (3 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích sự phân hoá chế độ mưa trong mùa đông ở nước ta.

Câu 5. (3 điểm)

- a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh phân bố dân cư ở khu vực đồi núi có sự phù hợp với địa hình.

- b) Dựa vào bảng số liệu, nhận xét và giải thích sự thay đổi tỉ số giới tính từ năm 2000 đến 2010. DÂN SỐ TRUNG BÌNH NƯỚC TA PHÂN THEO GIỚI TÍNH

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	Tổng số	Trong đó	
		Nam	Nữ
2000	77 631	38 165	39 466
2006	83 313	41 000	42 313
2008	85 122	41 958	43 164
2010	86 928	42 991	43 937

Câu 6. (3 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích điều kiện tự nhiên để phát triển giao thông đường biển. Tại sao vị thế của giao thông đường biển nước ta ngày càng được nâng cao?

Câu 7. (3 điểm)

- a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lúa lớn nhất cả nước.
- b) Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có những thế mạnh gì về tự nhiên để phát triển tổng hợp kinh tế biển?

_____HẾT_____

Môn: ĐỊA LÍ

Thời gian: **180** phút (*không kể thời gian giao đề*)Ngày thi: **11/01/2013***(Hướng dẫn chấm có 03 trang)***I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- 1) Giám khảo chấm đúng như đáp án, thang điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 2) Hướng dẫn chấm chủ yếu được biên soạn theo hướng "mở", chỉ nêu những ý chính, từ đó phát triển các ý cụ thể. Trong quá trình chấm, cần quan tâm đến lí giải, lập luận của thí sinh.
- 3) Nếu thí sinh sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam các năm trước 2009, vẫn được chấp nhận; tuy nhiên, cần nêu nguồn cụ thể.
- 4) Nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.
- 5) Giám khảo không quy tròn điểm bài thi.

II. HƯỚNG DẪN CHẤM CHI TIẾT

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1 <i>(3,0 điểm)</i>	a	<i>Tại sao ở khu vực chí tuyến có nhiệt độ trung bình năm cao hơn ở Xích đạo và càng về vĩ độ cao thì biên độ nhiệt năm càng lớn, sự chênh lệch độ dài ngày đêm càng nhiều?</i>	1,50
		– Ở Xích đạo: Không khí chứa nhiều hơi nước, nhiều mây; chủ yếu là đại dương, mưa lớn. Ở chí tuyến: Không khí khô, ít mây; diện tích lục địa lớn.	0,75
		– Càng về vĩ độ cao, chênh lệch góc nhập xạ và chênh lệch thời gian chiếu sáng giữa ngày và đêm trong năm càng lớn.	0,50
		– Càng về vĩ độ cao, chênh lệch diện tích được chiếu sáng và khuất trong tối càng nhiều (do đường sáng tối chênh với trục Trái Đất càng lớn).	0,25
	b	<i>Giải thích nguyên nhân làm cho phân bố đất trên lục địa cũng tuân theo phân bố của khí hậu và sinh vật.</i>	1,50
		– Có nhiều nhân tố tác động đến sự hình thành đất, nhưng khí hậu và sinh vật tác động mạnh mẽ.	0,25
		– Tác động của khí hậu (nhiệt, ẩm).	0,50
		– Tác động của sinh vật (thực vật, vi sinh vật, động vật).	0,75
2 <i>(2,0 điểm)</i>	a	<i>Tại sao trong số các nguồn năng lượng được sử dụng trên thế giới, năng lượng mặt trời, địa nhiệt, sức gió rất được coi trọng?</i>	1,50

	– Các nguồn năng lượng: Củi, gỗ; than đá, dầu, khí đốt; năng lượng nguyên tử, thủy điện; năng lượng mặt trời, địa nhiệt, sức gió...	0,25
	– Hạn chế của các nguồn năng lượng củi, gỗ; than đá, dầu, khí đốt; năng lượng nguyên tử, thủy điện (về sự cạn kiệt, ô nhiễm môi trường...).	0,50
	– Ưu điểm của năng lượng mặt trời, địa nhiệt, sức gió: Không bị hao kiệt, thân thiện với môi trường, phát triển rộng khắp...	0,50
	– Sự tiến bộ của khoa học công nghệ, trình độ văn minh nhân loại vừa tạo điều kiện, vừa đòi hỏi phát triển năng lượng mặt trời, địa nhiệt, sức gió.	0,25
<i>b</i>	<i>Sự phát triển của giao thông vận tải có tác động như thế nào đến phân bố dân cư đô thị?</i>	<i>0,50</i>

		– Sự phát triển của giao thông vận tải (mạng lưới, phương tiện, tốc độ, chi phí, tiện nghi...). – Tác động: Dân cư phân bố ra xa hơn ở các vùng ngoại thành, do người dân không cần ở tập trung gần nơi làm việc hoặc gần trung tâm vẫn có thể đi về hàng ngày.	0,25 0,25
3 (3,0 điểm)	<i>Phân tích đặc điểm của sông ngòi nước ta.</i>		
		– Mạng lưới dày đặc, chủ yếu sông nhỏ và ngắn. Nguyên nhân: Mưa nhiều trên địa hình chủ yếu là đồi núi, lãnh thổ hẹp ngang...	0,75
		– Hướng chính: tây bắc – đông nam, vòng cung; do hướng địa hình chi phối.	0,50
		– Lượng nước lớn. Nguyên nhân: Mưa nhiều, có sông mang nước từ ngoài lãnh thổ vào.	0,50
		– Lượng phù sa lớn; do mưa nhiều, tập trung vào một mùa trên địa hình chủ yếu đồi núi dốc, lớp vỏ phong hoá dày, nhiều nơi mất lớp phủ thực vật.	0,50
		– Chế độ nước theo mùa; do chế độ mưa quy định.	0,75
4 (3,0 điểm)	<i>Phân tích sự phân hoá chế độ mưa trong mùa đông ở nước ta.</i>		
	b	<i>a) Miền Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra)</i>	2,00
		– Nửa đầu mùa đông: + Bắc Bộ khô, Bắc Trung Bộ có mưa. + Do gió mùa Đông Bắc thổi qua lục địa; ở Bắc Trung Bộ: frông lạnh gặp dãy Trường Sơn Bắc. – Nửa sau mùa đông: + Mưa phùn ở ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ. + Do gió mùa Đông Bắc lệch qua biển, trở nên ẩm.	0,50 0,50 0,50 0,50
		<i>b) Miền Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào)</i>	1,00
		+ Nam Bộ và Tây Nguyên khô, ven biển Nam Trung Bộ có mưa. + Do Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế; ven biển Nam Trung Bộ: gặp địa hình núi chắn gió.	0,50 0,50
5 (3,0 điểm)	a	<i>Chứng minh phân bố dân cư ở khu vực đồi núi có sự phù hợp với địa hình.</i>	1,50
		– Mật độ dân số ở vùng bán bình nguyên (Đông Nam Bộ) và đồi trung du (rìa đồng bằng sông Hồng và rìa đồng bằng ven biển miền Trung) cao hơn ở các vùng núi (Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam).	0,50
		– Trong mỗi vùng núi, mật độ dân số ở nơi có địa hình thấp (thung lũng, cao nguyên, đồi núi thấp) lớn hơn ở nơi núi cao.	0,50
		– Trong vùng bán bình nguyên Đông Nam Bộ, nơi thấp có mật độ dân số lớn hơn ở nơi cao.	0,50
	b	<i>Nhận xét và giải thích sự thay đổi tỉ số giới tính từ năm 2000 đến 2010.</i>	1,50

	– Nhận xét: + Lập bảng số liệu tỉ số giới tính TỈ SỐ GIỚI TÍNH CỦA DÂN SỐ NƯỚC TA + Tỉ số giới tính từ năm 2000 đến 2010 tăng, càng về sau càng tăng nhanh. – Giải thích: Do tác động của phong tục, tập quán và tâm lí xã hội; tiến bộ y học trong những năm gần đây...	0,25 0,50 0,75
6 (3,0 điểm)	<i>Phân tích điều kiện tự nhiên để phát triển giao thông đường biển. Tại sao vị thế của giao thông đường biển nước ta ngày càng được nâng cao?</i>	
	<i>a) Phân tích điều kiện tự nhiên để phát triển giao thông đường biển.</i>	2,50

		– Thuận lợi: + Nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông. + Vùng biển rộng, có nhiều đảo và quần đảo, tiếp giáp với vùng biển của nhiều nước. + Đường bờ biển dài; nhiều vũng, vịnh rộng kín gió; cửa sông. + Khí hậu thuận lợi cho hoạt động quanh năm.	0,50 0,50 0,50 0,50
		– Khó khăn: Bão...	0,50
		<i>b) Tại sao vị thế của giao thông đường biển nước ta ngày càng được nâng cao?</i>	0,50
		– Đảm nhiệm chủ yếu việc giao thông vận tải trên các tuyến đường quốc tế.	0,25
		– Nước ta hội nhập kinh tế toàn cầu, ngày càng mở rộng quan hệ buôn bán với thế giới.	0,25
7 (3,0 điểm)	<i>a</i>	<i>Chứng minh Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lúa lớn nhất cả nước.</i>	2,00
		– Diện tích trồng lúa lớn nhất trong số các đồng bằng.	0,25
		– Diện tích trồng lúa so với diện tích cây lương thực là lớn nhất.	0,50
		– Năng suất cao (chỉ sau ĐBSH, cao hơn trung bình của cả nước).	0,25
		– Sản lượng lớn nhất.	0,25
		– Bình quân lúa trên đầu người cao nhất.	0,25
		– Xuất khẩu lúa gạo lớn nhất.	0,25
		– Nhiều tỉnh có diện tích và sản lượng lúa thuộc vào hàng cao nhất cả nước.	0,25
	<i>b</i>	<i>Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có những thế mạnh gì về tự nhiên để phát triển tổng hợp kinh tế biển?</i>	1,00
– Ngư trường trọng điểm.		0,25	
– Nằm trên đường hàng hải quốc tế.		0,25	
– Tài nguyên du lịch.		0,25	
		– Khoáng sản...	0,25
<i>Tổng số điểm toàn bài là 20 điểm</i>			

_____HẾT_____

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Môn: ĐỊA LÍThời gian: **180** phút (không kể thời gian giao đề).Ngày thi: **03/01/2014**.

(Đề thi có 02 trang, gồm 07 câu).

Câu 1 (3,0 điểm)

- a) Tại sao trên Trái Đất, sự phân bố nhiệt độ không khí thay đổi theo vĩ độ địa lí, theo lục địa và đại dương?
- b) Chứng minh địa hình là nhân tố tác động rõ rệt đến sự thay đổi khí hậu.

Câu 2 (2,0 điểm)

Tại sao nói sự phát triển của các ngành dịch vụ có mối quan hệ chặt chẽ với quá trình công nghiệp hóa?

Câu 3 (3,0 điểm)

- a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, giải thích sự đa dạng của địa hình ven biển nước ta.
- b) Hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới ảnh hưởng như thế nào đến chế độ mưa trong mùa hạ ở nước ta?

Câu 4 (3,0 điểm)

- a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích sự khác nhau về chế độ mưa của vùng khí hậu Bắc Trung Bộ và vùng khí hậu Nam Trung Bộ.
- b) Giải thích tại sao trong mùa khô, Hà Nội có lượng mưa lớn hơn TP. Hồ Chí Minh; còn trong mùa mưa, TP. Hồ Chí Minh lại có lượng mưa lớn hơn Hà Nội?

Câu 5 (3,0 điểm)

- a) Dựa vào bảng số liệu sau, phân tích tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số nước ta. Sự thay đổi tỉ suất sinh thô có tác động như thế nào đến cơ cấu dân số theo tuổi?

**TỈ SUẤT SINH THÔ, TỈ SUẤT CHẾT THÔ VÀ TỈ LỆ TĂNG TỰ NHIÊN
CỦA DÂN SỐ VIỆT NAM QUA CÁC NĂM**

(Đơn vị: ‰)

Năm	Tỉ suất sinh thô	Tỉ suất chết thô	Tỉ lệ tăng tự nhiên
2004	19,2	5,4	13,8
2006	17,4	5,3	12,1
2008	16,7	5,3	11,4
2010	17,1	6,8	10,3

(Niên giám thống kê 2011, NXB Thống kê, 2012)

- b) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu lao động đang làm việc phân theo khu vực kinh tế.

Câu 6 (3,0 điểm)

a) Dựa vào bảng số liệu sau, nhận xét tình hình phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của nước ta.

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CỦA CÔNG NGHIỆP

SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Năm	2005	2008	2010
Dệt, may	79 031	156 630	236 940
Da, giày	42 313	69 462	102 074
Giấy, in, văn phòng phẩm	28 340	54 021	80 250
Giá trị sản xuất của toàn ngành	149 684	280 113	419 264
Giá trị sản xuất công nghiệp cả nước	988 540	1 903 128	2 963 500

(Niên giám thống kê 2011, NXB Thống kê, 2012)

b) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích sự phân bố của công nghiệp dệt, may và da, giày.

Câu 7 (3,0 điểm)

a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều thế mạnh tự nhiên để phát triển đa dạng chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp.

b) Việc xây dựng các nhà máy thủy điện ở miền Trung nước ta nếu không hợp lí, thì sẽ ảnh hưởng như thế nào đến tài nguyên, môi trường?

_____HẾT_____

Môn: **ĐỊA LÍ**Thời gian: **180** phút (*không kể thời gian giao đề*)Ngày thi: **03/01/2014***(Hướng dẫn chấm có 3 trang)***I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

1) Cán bộ chấm thi chấm đúng như đáp án, thang điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2) Hướng dẫn chấm chủ yếu được biên soạn theo hướng "mở", chỉ nêu những ý chính, từ đó phát triển các ý cụ thể. Trong quá trình chấm, cần quan tâm đến lí giải, lập luận của thí sinh. Nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.

3) Cán bộ chấm thi không quy tròn điểm thành phần, điểm của từng câu và điểm toàn bài của thí sinh.

II. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM CHI TIẾT

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1 (3,0 điểm)	a	Tại sao trên Trái Đất, sự phân bố nhiệt độ không khí thay đổi theo vĩ độ địa lí, theo lục địa và đại dương?	1,50
		– Do sự thay đổi của góc nhập xạ theo vĩ độ địa lí.	0,50
		– Do sự thay đổi của thời gian chiếu sáng theo vĩ độ địa lí.	0,50
		– Do sự khác nhau về tính chất của lục địa và đại dương.	0,50
	b	Chứng minh địa hình là nhân tố tác động rõ rệt đến sự thay đổi khí hậu.	1,50
		– Lên cao, nhiệt độ giảm, mưa nhiều, đến độ cao nào đó không còn mưa; tạo nên các đai cao...	0,50
		– Sườn phơi nắng có nhiệt độ cao hơn sườn khuất nắng; sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió mưa ít.	0,50
		– Sườn dốc nhận được lượng nhiệt nhiều hơn sườn thoải.	0,25
2 (2,0 điểm)		Tại sao nói sự phát triển của các ngành dịch vụ có mối quan hệ chặt chẽ với quá trình công nghiệp hóa?	2,00
		– Tác động của công nghiệp hóa đến dịch vụ:	
		+ Tăng cường cơ sở vật chất kĩ thuật cho các ngành dịch vụ.	0,25
		+ Chuyển một phần lao động từ sản xuất vật chất sang dịch vụ.	0,25
		+ Đặt ra yêu cầu và thúc đẩy sự phát triển, phân bố của dịch vụ.	0,25
		+ Đẩy mạnh đô thị hóa, từ đó dịch vụ phát triển.	0,25
		– Tác động của dịch vụ đối với công nghiệp hóa:	
		+ Cung ứng nguyên liệu, vật tư, máy móc, tiêu thụ sản phẩm... đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa.	0,25
		+ Thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ trong công nghiệp hóa.	0,25
		+ Sự phát triển của một số dịch vụ tác động đến phân bố công nghiệp.	0,25
		+ Dịch vụ ở các đô thị phát triển làm cơ sở cho phát triển công nghiệp hóa.	0,25

3 (3,0 điểm)	a	Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, giải thích sự đa dạng của địa hình ven biển nước ta.	1,50
		– Đa dạng: Vịnh cửa sông, các bờ biển mài mòn, các tam giác châu có bãi triều rộng, các bãi cát phẳng, các đầm phá, cồn cát, các vùng vịnh nước sâu, các đảo ven bờ và rạn san hô...	0,50
		– Giải thích: Do tác động phối hợp của nội lực và ngoại lực trong quá trình phát triển lâu dài của lãnh thổ Việt Nam.	0,25
		+ Nội lực: Các hoạt động nâng cao và hạ thấp địa hình, bồi lấp các vùng trũng lục địa sát biển, đứt gãy ven biển...	0,25
		+ Ngoại lực: Tác động của sóng, thủy triều, dòng biển, biển tiến và biển lùi, sông ngòi...	0,50
	b	Hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới ảnh hưởng như thế nào đến chế độ mưa trong mùa hạ ở nước ta?	1,50
		– Dải hội tụ nhiệt đới ở nước ta được hình thành giữa gió mùa mùa hạ và Tín phong bán cầu Bắc, có tác động lớn đến chế độ mưa.	0,25
		– Đầu mùa hạ: Được hình thành giữa gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương thổi đến và Tín phong bán cầu Bắc, chạy theo hướng kinh tuyến, gây mưa đầu mùa cho cả nước, mưa lớn cho đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên...	0,50
		– Giữa và cuối mùa hạ:	
		+ Được hình thành giữa gió mùa Tây Nam (Tín phong bán cầu Nam) và Tín phong bán cầu Bắc, vắt ngang qua nước ta, gây mưa lớn...	0,50
		+ Dải hội tụ lùi dần theo vĩ độ địa lí, làm cho đỉnh mưa lùi dần từ bắc vào nam.	0,25
4 (3,0 điểm)	a	Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích sự khác nhau về chế độ mưa của vùng khí hậu Bắc Trung Bộ và vùng khí hậu Nam Trung Bộ.	2,00
		Phân tích sự khác nhau về:	
		– Tổng lượng mưa năm.	0,75
		– Tháng mưa cực đại.	0,50
		– Sự phân mùa.	0,75
	b	Giải thích tại sao trong mùa khô, Hà Nội có lượng mưa lớn hơn TP. Hồ Chí Minh; còn trong mùa mưa, TP. Hồ Chí Minh lại có lượng mưa lớn hơn Hà Nội?	1,00
		– Mùa khô ở Hà Nội có mưa phùn, TP. Hồ Chí Minh là mùa khô sâu sắc...	0,50
		– Mùa mưa:	
		+ Hà Nội: Giữa và cuối mùa mưa nhiều, đầu mùa mưa ít.	0,25
		+ TP. Hồ Chí Minh: Mưa nhiều trong cả mùa và dài hơn Hà Nội 1 tháng.	0,25
5 (3,0 điểm)	a	Dựa vào bảng số liệu, phân tích tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số nước ta. Sự thay đổi tỉ suất sinh thô có tác động như thế nào đến cơ cấu dân số theo tuổi?	1,50

	– Phân tích: + Tỷ lệ tăng tự nhiên giảm từ năm 2004 đến 2010, nhưng khác nhau qua các giai đoạn, do sự biến động của tỉ suất sinh thô và tỉ suất chết thô. + Từ 2004 – 2008: Tỷ lệ tăng tự nhiên giảm nhanh, chủ yếu do tỉ suất sinh thô giảm nhanh; tỉ suất chết thô giảm không đáng kể. + Từ 2008 – 2010: Tỷ lệ tăng tự nhiên giảm chậm hơn, chủ yếu do tỉ suất chết thô tăng nhanh; tỉ suất sinh thô tăng nhẹ. – Tỉ suất sinh thô giảm làm cho độ tuổi từ 0 – 14 tuổi giảm, góp phần làm cho dân số chuyển sang cơ cấu già.	0,25 0,50 0,50 0,25
--	---	---

	b	Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu lao động đang làm việc phân theo khu vực kinh tế.	1,50
		– Nhận xét: + Chuyển dịch theo xu hướng tiến bộ. Giảm tỉ trọng của nông, lâm, thủy sản; tăng tỉ trọng của công nghiệp và xây dựng, dịch vụ. + Tuy nhiên, sự chuyển dịch còn chậm. – Giải thích: + Do nước ta đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. + Nền kinh tế có điểm xuất phát thấp và còn một số khó khăn nhất định.	0,75 0,25 0,25 0,25
6 (3,0 điểm)	a	Dựa vào bảng số liệu, nhận xét tình hình phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của nước ta.	2,00
		– Giá trị sản xuất của toàn ngành và các ngành cụ thể đều tăng qua các năm. – Giá trị sản xuất của dệt, may tăng nhanh nhất... – Quy mô lớn nhất là dệt, may; thấp nhất là giấy, in, văn phòng phẩm. – Cơ cấu: + Lớn nhất là dệt, may; tiếp đến là da, giày; sau đó là giấy, in, văn phòng phẩm. + Từ 2005 – 2010, tỉ trọng của da, giày tăng; dệt, may giảm; giấy, in, văn phòng phẩm thay đổi không đáng kể. – Tỉ trọng của toàn ngành trong giá trị sản xuất công nghiệp cả nước giảm qua các năm.	0,25 0,25 0,25 0,50 0,25 0,50
	b	Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích sự phân bố của công nghiệp dệt, may và da, giày.	1,00
		– Dệt, may tập trung chủ yếu ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu, Cần Thơ, Huế, Đà Nẵng... – Da, giày tập trung ở nhiều thành phố như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Biên Hòa, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Cần Thơ... – Tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng; ngoài ra, còn có một số nơi ở miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long. – Tập trung chủ yếu ở những nơi có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn và thuận lợi về nguyên liệu.	0,25 0,25 0,25 0,25
7 (3,0 điểm)	a	Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều thế mạnh tự nhiên để phát triển đa dạng chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp.	2,00
		– Đất: Phần lớn là feralit trên đá phiến, đá vôi...; ngoài ra có phù sa cổ (ở trung du), phù sa dọc các thung lũng sông và cánh đồng ở miền núi... – Địa hình: Núi, đồi thấp, cao nguyên... – Khí hậu: Nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh; cận nhiệt, ôn đới trên núi. – Đa dạng chuyên môn hóa: Cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới (chè, trà, sô, hồi...); đậu tương, lạc, thuốc lá; cây ăn quả, cây dược liệu; trâu, bò lấy thịt và sữa; lợn.	0,50 0,50 0,50 0,50
	b	Việc xây dựng các nhà máy thủy điện ở miền Trung nước ta nếu không hợp lí, thì sẽ ảnh hưởng như thế nào đến tài nguyên, môi trường?	1,00

		– Suy giảm diện tích rừng, đất rừng, đa dạng sinh học...	0,50
		– Ô nhiễm môi trường lòng hồ, làm trầm trọng thêm lũ lụt ở vùng hạ lưu...	0,50
<i>Tổng số điểm toàn bài là 20 điểm</i>			

_____HẾT_____

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Môn: ĐỊA LÍThời gian: **180 phút** (không kể thời gian giao đề).Ngày thi: **08/01/2015**.

(Đề thi có 02 trang, gồm 07 câu).

Câu 1 (3,0 điểm)

- a) Phân tích mối liên quan giữa sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa, các vùng núi trẻ trên Trái Đất với sự chuyển dịch các mảng kiến tạo của thạch quyển và giải thích.
- b) Chuyển động biểu kiến hằng năm của Mặt Trời giữa hai chí tuyến ảnh hưởng tới dải áp thấp xích đạo và mùa của vùng nhiệt đới như thế nào?

Câu 2 (2,0 điểm)

- a) Phân tích các tiêu chí đánh giá nền kinh tế của một quốc gia.
- b) Giải thích vì sao công nghiệp phân bố tập trung cao độ, còn nông nghiệp thì phân bố trải rộng.

Câu 3 (3,0 điểm)

- a) Phân tích ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu và tài nguyên thiên nhiên vùng biển Việt Nam.
- b) Chứng minh Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều loại đất khác nhau. Giải thích vì sao đất phèn, đất mặn có diện tích lớn nhất.

Câu 4 (3,0 điểm)

- a) Căn cứ vào những chỉ tiêu nào để chia khí hậu Việt Nam thành miền khí hậu phía Bắc và miền khí hậu phía Nam? Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học hãy phân tích sự khác nhau về phân mùa của hai miền khí hậu nói trên.
- b) Phân tích ảnh hưởng của độ cao và hướng núi tới sự phân bố lượng mưa của nước ta.

Câu 5 (3,0 điểm)

- a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam (biểu đồ dân số Việt Nam qua các năm) và kiến thức đã học, hãy phân tích quá trình đô thị hoá nước ta thời kì 1960 – 2007. Ảnh hưởng của quá trình đô thị hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta?

Câu 6 (3,0 điểm)

- a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét về tài nguyên và sự phát triển ngành du lịch Việt Nam.
- b) Cho bảng số liệu sau:

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA VIỆT NAM
THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO NGÀNH HOẠT
ĐỘNG**

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Năm	2000	2005	2010
Tổng số	129087,9	183213,6	540162,8
Trồng trọt	101043,7	134754,5	396733,6

Chăn nuôi	24907,6	45096,8	135137,2
Dịch vụ nông nghiệp	3136,6	3362,3	8292,0

(Nguồn: Niên giám thống kê 2011, NXB Thống kê - Hà Nội, 2012)

Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành hoạt động.

Câu 7 (3,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

a) Phân tích những thế mạnh về tự nhiên để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ. Vì sao phát triển cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp góp phần phát triển bền vững vùng Bắc Trung Bộ?

b) Nhận xét về Trung tâm công nghiệp Hà Nội. Giải thích vì sao các ngành công nghiệp của trung tâm này phát triển mạnh?

_____HẾT_____

Môn: **ĐỊA LÍ**Thời gian: **180 phút** (không kể thời gian giao đề)Ngày thi: **03/01/2015**

(Hướng dẫn chấm có 05 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1) Cán bộ chấm thi chấm đúng như đáp án, thang điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2) Hướng dẫn chấm chủ yếu được biên soạn theo hướng "mở", chỉ nêu những ý chính, từ đó phát triển các ý cụ thể. Trong quá trình chấm, cần quan tâm đến lí giải, lập luận của thí sinh. Nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.

3) Cán bộ chấm thi không quy tròn điểm thành phần, điểm của từng câu và điểm toàn bài của thí sinh.

II. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM CHI TIẾT

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1 (3,0 điểm)	a	<i>Phân tích mối liên quan giữa sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa, các vùng núi trẻ trên Trái Đất với sự chuyển dịch các mảng kiến tạo của thạch quyển và giải thích.</i>	1,50
		– Sự phân bố của các vành đai động đất, núi lửa, các vùng núi trẻ thường trùng với nơi tiếp xúc của các mảng kiến tạo (dẫn chứng).	0,50
		– Trong khi di chuyển, các mảng kiến tạo có thể xô vào nhau hoặc tách xa nhau:	0,50
		+ Khi hai mảng kiến tạo xô vào nhau, đá sẽ bị nén ép, dồn lại và nhô lên, hình thành các dãy núi cao, sinh ra động đất, núi lửa...	0,50
		+ Khi hai mảng kiến tạo tách rời nhau, ở các vết nứt tách dần, magma sẽ trào lên, tạo ra các dãy núi ngầm, kèm theo hiện tượng	
	b	<i>Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời giữa hai chí tuyến ảnh hưởng tới dải áp thấp xích đạo và mùa của vùng nhiệt đới như thế nào?</i>	1,50
		– Dải áp thấp xích đạo được hình thành do nhiệt lực, liên quan trực tiếp đến bức xạ mặt trời. Chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt Trời kéo theo sự dịch chuyển của dải áp thấp xích đạo về phía bán cầu mùa hạ.	0,50
		+ Vào tháng 1: Dải áp thấp xích đạo di chuyển xuống bán cầu Nam khoảng 15° vĩ ở trên các lục địa vì bán cầu Nam là mùa hạ.	0,25
		+ Vào tháng 7: Dải áp thấp xích đạo di chuyển lên bán cầu Bắc vì bán cầu Bắc là mùa hạ.	0,25
		– Ảnh hưởng đến mùa ở vùng nhiệt đới:	
		+ Từ 21/3 đến 23/9: Mặt Trời chuyển động biểu kiến lên bán cầu Bắc nên bán cầu Bắc là mùa nóng, bán cầu Nam là mùa lạnh (diễn giải).	0,25
		+ Từ 23/9 đến 21/3 (năm sau): Mặt Trời chuyển động biểu kiến xuống bán cầu Nam nên bán cầu Nam là mùa nóng, bán cầu Bắc là mùa lạnh (diễn giải).	0,25
2 (2,0 điểm)	a	<i>Phân tích các tiêu chí đánh giá nền kinh tế của một quốc gia.</i>	1,00

	– Tổng sản phẩm trong nước (GDP): phản ánh quy mô của nền kinh tế (diễn giải).	0,25
	– Tổng thu nhập quốc gia (GNI): phản ánh tổng thu nhập quốc dân (diễn giải).	0,25
	– GNI và GDP bình quân đầu người: phản ánh mức sống dân cư ở một nước (diễn giải).	0,25

		– Cơ cấu ngành trong GDP: phản ánh tỉ trọng của các ngành trong nền kinh tế (diễn giải).	0,25
	b	<i>Giải thích vì sao công nghiệp phân bố tập trung cao độ, còn nông nghiệp thì phân bố trải rộng.</i>	0
		– Trong sản xuất công nghiệp, gồm nhiều ngành phức tạp, được phân công tỉ mỉ và có sự phối hợp chặt chẽ để tạo ra sản phẩm cuối cùng. Việc tập trung cao độ góp phần thúc đẩy chuyên môn hoá, hợp tác hoá... và đem lại hiệu quả cao về kinh tế.	0,50
		– Trong sản xuất nông nghiệp, đất trồng là tư liệu sản xuất quan trọng nhất; cây trồng, vật nuôi là đối tượng lao động và phụ thuộc nhiều vào tự nhiên.	0,50
3 (3,0 điểm)	a	<i>Phân tích ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu và tài nguyên thiên nhiên vùng biển Việt Nam.</i>	1,50
		– Khái quát về Biển Đông.	0,25
		– Ảnh hưởng đến khí hậu: Điều hoà nguồn nhiệt, cung cấp lượng ẩm.	
		+ Làm cho khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương nên điều hoà hơn.	0,25
		+ Lượng mưa và độ ẩm lớn.	0,25
		– Ảnh hưởng đến tài nguyên thiên nhiên vùng biển:	0,25
		+ Tài nguyên khoáng sản phong phú: dầu, titan, muối...	0,25
		+ Tài nguyên hải sản: cá, tôm, mực, sinh vật phù du, các rạn san hô...	0,25
		+ Tài nguyên khác: (dẫn chứng).	0,25
	b	<i>Chứng minh Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều loại đất khác nhau. Giải thích vì sao đất phèn, đất mặn có diện tích lớn nhất.</i>	1,50
		– Có nhiều loại đất khác nhau: Đất phù sa ngọt, đất phèn, đất mặn và các loại đất khác.	0,25
		+ Đất phù sa ngọt: Diện tích 1,2 triệu ha, phân bố dọc sông Tiền và sông Hậu.	0,25
		+ Đất phèn: Diện tích 1,6 triệu ha, tập trung ở Đồng Tháp Mười, bán đảo Cà Mau. Đất mặn ven biển: diện tích 75 vạn ha.	0,25
		+ Các loại đất khác chiếm diện tích nhỏ hơn: Đất xám phân bố dọc biên giới Campuchia; đất feralit chủ yếu ở đảo Phú Quốc; đất cát ven biển ở Trà Vinh, Sóc Trăng...	0,25
		– Đất phèn, đất mặn có diện tích lớn nhất vì: Vị trí ba mặt giáp biển; có nhiều vùng trũng ngập nước vào mùa mưa; có mùa khô kéo dài, thiếu nước nghiêm trọng; thủy triều theo các sông lớn vào sâu trong đất liền...	0,50
4 (3,0 điểm)	a	<i>Căn cứ vào những chỉ tiêu nào để chia khí hậu Việt Nam thành miền khí hậu phía Bắc và miền khí hậu phía Nam? Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học hãy phân tích sự khác nhau về phân mùa của hai miền khí hậu nói trên.</i>	2,00
		– Các chỉ tiêu để phân chia hai miền khí hậu:	0,50
		+ Tổng lượng bức xạ trung bình năm ($\text{kcal/cm}^2/\text{năm}$).	
		+ Biên độ nhiệt độ trung bình năm.	
		+ Số giờ nắng trung bình năm.	
		– Sự khác nhau về phân mùa khí hậu của hai miền:	
		+ Miền khí hậu phía Bắc: Có mùa đông lạnh, ít mưa (tháng 11 – 4); mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều (tháng 5 – 10).	0,25

	Nguyên nhân: Mùa đông chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, mùa hạ chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam. + Miền khí hậu phía Nam: Mùa khô (tháng 11 – 4), mùa mưa (tháng 5 – 10).	0,50 0,25
--	--	-------------------------

		Nguyên nhân: Mùa khô chịu ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc, mùa mưa đầu mùa chịu ảnh hưởng của gió tây nam (TBg); giữa và cuối mùa, gió mùa Tây Nam cùng dải hội tụ nhiệt đới gây mưa lớn và kéo dài.	0,50
	b	<i>Phân tích ảnh hưởng của độ cao và hướng núi tới sự phân bố lượng mưa của nước ta.</i>	1,00
		– Những vùng núi cao là những nơi mưa nhiều: Hoàng Liên Sơn, Vòm sông Chảy, Bạch Mã, Ngọc Linh...	0,50
		– Độ cao kết hợp với hướng núi tạo ra những vùng mưa nhiều, mưa ít: Mưa nhiều ở sườn chắn gió, mưa ít ở sườn khuất gió (dẫn chứng).	0,50
5 (3,0 điểm)		<i>Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam (biểu đồ dân số Việt Nam qua các năm) và kiến thức đã học, hãy phân tích quá trình đô thị hoá nước ta thời kì 1960 – 2007. Ảnh hưởng của quá trình đô thị hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta?</i>	3,00
		<i>Phân tích quá trình đô thị hoá nước ta thời kì 1960 – 2007</i>	1,50
		– Tính tỉ lệ dân thành thị từ biểu đồ trong Atlas Địa lí Việt Nam (đơn vị: %).	0,25
		– Từ 1960 – 2007: Tỉ lệ dân thành thị có xu hướng tăng nhưng không đều.	0,25
		– Phân tích một số thời điểm:	
		+ Thập kỉ 60, đô thị hoá thấp, do nền kinh tế nông nghiệp là chính.	0,25
		+ Từ 1960 – 1976, tỉ lệ dân thành thị tăng do miền Nam thực hiện chính sách dồn dân vào đô thị, ở miền Bắc đô thị hoá gắn liền với công nghiệp hoá.	0,25
		+ Từ 1979 – 1989, tốc độ đô thị hoá chậm do kinh tế trì trệ (khủng hoảng kinh tế).	0,25
		+ Từ cuối thập kỉ 90 trở lại đây, đô thị hoá tăng tương đối nhanh do chuyển dịch cơ cấu kinh tế và có chiến lược đô thị hoá gắn với công nghiệp hoá.	0,25
		<i>Ảnh hưởng của quá trình đô thị hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta</i>	1,50
		– Tích cực: Tác động mạnh đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động	0,25
		+ Ảnh hưởng lớn tới sự phát triển kinh tế của các địa phương, các vùng.	0,25
		+ Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thu hút đầu tư...	0,25
		+ Tạo việc làm, tăng thu nhập...	0,25
		– Tiêu cực: Vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường (diễn giải).	0,50
6 (3,0 điểm)	a	<i>Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét về tài nguyên và sự phát triển ngành du lịch Việt Nam.</i>	1,50
		– Ngành du lịch có nhiều thế mạnh về tài nguyên du lịch:	0,50
		+ Các di sản thiên nhiên, văn hoá thế giới (dẫn chứng).	
		+ Tài nguyên du lịch tự nhiên (dẫn chứng).	
		+ Tài nguyên du lịch nhân văn (dẫn chứng).	0,50
		– Ngành du lịch nước ta phát triển nhanh:	
		+ Khách du lịch (quốc tế, nội địa) tăng (dẫn chứng).	
		+ Doanh thu tăng (dẫn chứng).	
		– Cơ cấu khách thay đổi:	0,25
		+ Giữa khách quốc tế và khách nội địa (dẫn chứng).	

	+ Nguồn khách quốc tế (dẫn chứng). – Trên phạm vi cả nước đã hình thành các trung tâm và điểm du lịch (dẫn chứng)	0,25
--	---	------

	b	Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành hoạt động.	1,50
		– Xử lý bảng số liệu: CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA VIỆT NAM PHÂN THEO NGÀNH HOẠT ĐỘNG <i>(Theo giá thực tế, đơn vị: %)</i>	0,25
		– Nhận xét:	
		+ Chuyển dịch theo hướng tiến bộ. + Chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, tỉ trọng của ngành dịch vụ có xu hướng giảm (dẫn chứng). + Sự chuyển dịch còn chậm, ngành trồng trọt còn chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu.	0,25 0,25 0,25
		– Giải thích: + Ngành chăn nuôi có vai trò quan trọng, xu hướng phát triển (dẫn chứng). + Điều kiện phát triển ngành chăn nuôi còn nhiều hạn chế (dẫn chứng).	0,25 0,25
7 (3,0 điểm)	a	Phân tích những thế mạnh về tự nhiên để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ. Vì sao phát triển cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp góp phần phát triển bền vững vùng Bắc Trung Bộ?	1,50
		– Các thế mạnh:	
		+ Thế mạnh về nông nghiệp: Vùng đồng bằng chủ yếu là đất cát pha, thuận lợi trồng cây công nghiệp ngắn ngày. Vùng đồi trước núi thuận lợi trồng cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi đại gia súc. + Thế mạnh về lâm nghiệp: Diện tích rừng lớn, có nhiều loại gỗ quý (dẫn chứng). + Thế mạnh về ngư nghiệp: Tất cả các tỉnh đều giáp biển, có vùng biển rộng; bờ biển có nhiều vũng, vịnh, đầm phá.	0,25 0,25 0,25
		– Giải thích:	
		+ Phát triển lâm nghiệp cho phép khai thác thế mạnh về tài nguyên rừng, bảo vệ tài nguyên đất, điều hoà chế độ nước của sông ngòi. + Phát triển các mô hình nông lâm kết hợp ở trung du góp phần sử dụng hợp lí tài nguyên, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. + Phát triển rừng ngập mặn, rừng chắn cát tạo điều kiện bảo vệ môi trường. Việc khai thác, nuôi trồng thủy sản góp phần phát triển KT – XH và khai thác thế mạnh của vùng.	0,25 0,25 0,25
	b	Nhận xét về Trung tâm công nghiệp Hà Nội. Giải thích vì sao các ngành công nghiệp của trung tâm này phát triển mạnh.	1,50

	– Là trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước, giá trị sản xuất công nghiệp trên 120.000 tỉ đồng.	0,25
	– Cơ cấu ngành đa dạng (dẫn chứng).	0,50
	– Giải thích: + Có vị trí và điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên thuận lợi (diễn giải). + Có cơ sở hạ tầng phát triển, nguồn lao động dồi dào chất lượng cao... + Các điều kiện khác: vốn, thị trường, chính sách...	0,75

*Tổng số điểm toàn bài là 20
điểm*

_____HẾT_____

ĐỀ THI CHÍNH THỨC**Môn: ĐỊA LÍ**Thời gian: **180 phút** (*không kể thời gian giao đề*)Ngày thi: **06/01/2016***(Đề thi có 02 trang, gồm 07 câu)***Câu 1 (3,0 điểm)**

a) Phân tích mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực trong quá trình hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.

b) Chứng minh sự phân bố mưa trên Trái Đất vừa theo quy luật địa đới vừa theo quy luật phi địa đới.

Giải thích tại sao?

Câu 2 (2,0 điểm)

- a) Phân tích sự khác nhau về đặc điểm đô thị hóa của các nước phát triển và các nước đang phát triển.
b) Tại sao tỉ lệ lao động phi nông nghiệp ngày càng tăng ở các nước đang phát triển?

Câu 3 (3,0 điểm)

- a) Chứng minh và giải thích địa hình Việt Nam tiêu biểu cho vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
b) Tại sao vào đầu mùa Đông, gió mùa Đông Bắc thổi vào nước ta lại đi qua lục địa Trung Quốc và cuối mùa lại từ biển thổi vào?

Câu 4 (3,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

- a) Phân tích và giải thích đặc điểm khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
b) So sánh chế độ nước của hệ thống sông Hồng với hệ thống sông Cửu Long.

Câu 5 (3,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh sự phân bố dân cư giữa Trung du miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.

Câu 6 (3,0 điểm)

- a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích sự phân hóa theo lãnh thổ của ngành thủy sản nước ta.
b) Giải thích tại sao công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành công nghiệp nước ta

Câu 7 (3,0 điểm)

- a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích về quy mô, cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
b) Giải thích tại sao vùng Trung du miền núi Bắc Bộ có nhiều tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên nhưng sự phát triển kinh tế của vùng còn hạn chế.

HẾT

Môn: **ĐỊA LÍ**Thời gian: **180** phút (*không kể thời gian giao đề*)Ngày thi: **06/01/2016***(Hướng dẫn chấm có 04 trang)***I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- 1) Cán bộ chấm thi chấm đúng như đáp án, thang điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 2) Hướng dẫn chấm chủ yếu được biên soạn theo hướng "*mở*", chỉ nêu những ý chính, từ đó phát triển các ý cụ thể. Trong quá trình chấm, cần quan tâm đến lí giải, lập luận của thí sinh. Nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.
- 3) Cán bộ chấm thi không quy tròn điểm thành phần, điểm của từng câu và điểm toàn bài của thí sinh.

II. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM CHI TIẾT

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1 (3,0 điểm)	a	<i>Phân tích mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực trong quá trình hình thành địa hình bề mặt Trái Đất</i>	1,50
		– Địa hình bề mặt Trái Đất được phát sinh và phát triển do kết quả của tác động đồng thời và tương hỗ giữa quá trình nội lực và ngoại lực.	0,50
		– Nội lực và ngoại lực xảy ra đồng thời, liên tục và có tính đối nghịch nhau: nội lực tạo ra sự gồ ghề, ngoại lực có xu hướng san bằng bề mặt địa hình (diễn giải).	0,50
		– Tương quan giữa quá trình nội lực và ngoại lực là nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện dạng địa hình này hay dạng địa hình khác. Ở mỗi dạng địa hình cụ thể, vai trò của nội lực và ngoại lực là khác nhau (diễn giải).	0,50
	b	<i>Chứng minh sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất vừa theo quy luật địa đới vừa theo quy luật phi địa đới. Giải thích tại sao.</i>	1,50
		<i>Chứng minh</i>	
		– Phân bố lượng mưa theo địa đới: Phân bố theo vĩ độ: mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo; mưa tương đối ít ở hai vùng chí tuyến; mưa nhiều ở hai vùng ôn đới; mưa rất ít ở hai vùng cực.	0,50
		– Phân bố lượng mưa theo phi địa đới: Lượng mưa khác nhau giữa lục địa và đại dương; gần biển hay xa biển; nơi có dòng biển nóng hay dòng biển lạnh chảy qua; theo độ cao và hướng của địa hình (dẫn chứng).	0,50
		<i>Giải thích:</i> Lượng mưa chịu tác động của các nhân tố: bức xạ, khí áp, dòng biển, vị trí, gió, địa hình... (diễn giải).	0,50
2 (2,0 điểm)	a	<i>Phân tích sự khác nhau về đặc điểm đô thị hoá của các nước phát triển và đang phát triển</i>	1,00

	– Các nước phát triển: Quá trình ĐTH diễn ra sớm hơn; tỉ lệ dân thành thị cao; tăng cường hình thành các đô thị cực lớn; nhịp độ tăng dân số đô thị chậm lại; dân số có xu hướng chuyển ra vùng ngoại ô hoặc các thành phố vệ tinh. – Các nước đang phát triển: Quá trình ĐTH diễn ra muộn hơn; tỉ lệ dân thành thị thấp; ĐTH nhanh hơn CNH; xuất hiện nhiều thành phố lớn và cực lớn; nhịp độ đô thị hoá cao; dân số có xu hướng chuyển từ nông thôn vào các thành phố lớn, đặc biệt là thủ đô.	0,50 0,50
<i>b</i>	<i>Tại sao tỉ lệ lao động phi nông nghiệp ngày càng tăng ở các nước đang phát triển?</i>	<i>1,00</i>

		– Do quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá kéo theo sự phát triển của các trung tâm công nghiệp và dịch vụ (diễn giải).	0,50
		– Do xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kéo theo sự chuyển dịch theo lao động (diễn giải).	0,50
3 (3,0 điểm)	a	<i>Chứng minh và giải thích địa hình Việt Nam tiêu biểu cho vùng nhiệt đới ẩm gió mùa</i>	2,00
		<i>Chứng minh:</i>	
		– Quá trình xâm thực – bồi tụ là quá trình hình thành địa hình chính ở Việt Nam (diễn giải).	0,25
		– Lớp vỏ phong hoá dày, có nơi từ 10 – 15m (diễn giải).	0,25
		– Các hiện tượng đất trượt, sụt lở, nún phóng vật diễn ra phổ biến ở vùng đồi núi (diễn giải).	0,25
		– Quá trình bồi tụ, mở rộng đồng bằng ở hạ lưu sông (diễn giải).	0,25
		– Địa hình cacxtơ được hình thành và phát triển phổ biến ở Việt Nam (diễn giải).	0,25
		<i>Giải thích:</i>	0,25
		– Do khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nền nhiệt ẩm cao, có 1 mùa mưa và 1 mùa khô xen kẽ thúc đẩy quá trình xâm thực, xói mòn, rửa trôi ở vùng đồi núi và bồi tụ ở vùng đồng bằng.	0,25
		– Quá trình phong hoá, đặc biệt phong hoá hoá học diễn ra mạnh mẽ thúc đẩy tốc độ hoà tan và phá huỷ đá vôi hình thành nên địa hình cacxtơ.	0,25
		– Miền núi mưa nhiều, địa hình dốc.	0,25
	b	<i>Tại sao vào đầu mùa Đông, gió mùa Đông Bắc thổi vào nước ta lại đi qua lục địa Trung Quốc và cuối mùa lại từ biển thổi vào?</i>	1,00
		– Vào mùa Đông, áp cao Xibia – Mông Cổ chi phối chế độ gió nước ta. Đầu mùa, áp cao Xibi xuất phát từ hồ Baican, có nhiệt độ rất thấp (–15 đến –40°C) và áp lực rất cao (1400mb) thổi gió Đông Bắc đi qua lục địa Trung Quốc về Việt Nam.	0,50
		– Cuối mùa Đông, áp cao Xibia di chuyển về phía Đông, bị hút bởi áp thấp Alêut nên gió mùa Đông Bắc thổi qua biển Nhật Bản, biển Hoàng Hải vào Việt Nam.	0,50
4 (3,0 điểm)	a	<i>Phân tích và giải thích đặc điểm khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ</i>	2,00
		<i>Phân tích đặc điểm khí hậu:</i>	
		– Đặc điểm chung: khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh; phân hoá thành hai vùng: vùng khí hậu Đông Bắc Bộ, vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ.	0,25
		– Chế độ nhiệt: có nền nhiệt độ thấp hơn so với vùng khác, biên độ nhiệt năm cao, nhiệt độ có sự phân hoá theo vùng, theo độ cao, theo mùa (dẫn chứng).	0,25
		– Chế độ mưa: mưa mùa hạ, phân hoá không đều theo các vùng (dẫn chứng).	0,25
		– Chế độ gió: chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa (dẫn chứng).	0,25
		– Có các hiện tượng thời tiết cực đoan: sương muối, lũ quét, bão, áp thấp...	0,25
		<i>Giải thích:</i>	
		– Vị trí địa lí: Gần chí tuyến Bắc và giáp vịnh Bắc Bộ.	
		– Địa hình: Đồi núi thấp, hướng vòng cung, nhiều thung lũng sông... (diễn giải)	0,25
		– Chịu ảnh hưởng của vùng áp thấp phía Tây và áp thấp Bắc Bộ vào tháng 7.	0,25

		0,25
b	<i>So sánh chế độ nước của hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Cửu Long</i>	<i>1,00</i>
	<i>Giống nhau:</i>	
	– Đều có lưu lượng nước trung bình hàng năm lớn, nguồn cung cấp nước chính là nước mưa (dẫn chứng).	0,25
	– Thủy chế sông đều có sự phân hoá theo mùa, chế độ nước thất thường (dẫn chứng).	0,25
	<i>Khác nhau:</i>	

		– Lưu lượng nước và sự chênh lệch lưu lượng dòng chảy giữa hai mùa của sông Cửu Long lớn hơn sông Hồng (dẫn chứng).	0,25
		– Thời gian mùa lũ, mùa cạn, đỉnh lũ, đặc điểm lũ khác nhau (dẫn chứng).	0,25
5 (3,0 điểm)		Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy so sánh sự phân bố dân cư giữa Trung du miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên	3,00
		<i>Giống nhau:</i>	
		– Mật độ dân số thấp hơn so với mật độ trung bình của cả nước (dẫn chứng).	0,25
		– Phân bố không đều theo lãnh thổ (dẫn chứng).	0,25
		– Phân hoá rõ rệt trong nội bộ từng vùng (dẫn chứng).	0,25
		– Phân hoá giữa thành thị và nông thôn (dẫn chứng).	0,25
		<i>Khác nhau:</i>	
		– Về mật độ dân số: Trung du miền núi Bắc Bộ cao hơn; Tây Nguyên thấp hơn.	0,50
		– Về phân bố: Trung du miền núi Bắc Bộ rất không đồng đều; Tây Nguyên tương đối đồng đều (dẫn chứng).	0,50
		– Về sự phân hoá:	
		+ Trung du miền núi Bắc Bộ: Mật độ cao nhất ở khu vực trung du giáp với đồng bằng sông Hồng, thưa thớt nhất ở một số tỉnh Tây Bắc và Đông Bắc (dẫn chứng).	0,50
		+ Tây Nguyên: Mật độ cao nhất ở khu vực phụ cận tỉnh lỵ của các tỉnh, thấp nhất ở Kon Tum, Đắk Nông (dẫn chứng).	0,50
6 (3,0 điểm)	a	Nhận xét và giải thích sự phân hoá theo lãnh thổ của ngành thủy sản nước ta	2,00
		<i>Nhận xét:</i>	
		– Phân hóa theo vùng:	0,50
		+ Các vùng phát triển: Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải, Đồng bằng sông Hồng (dẫn chứng).	
		+ Các vùng còn lại: Trung du miền núi Bắc Bộ (trừ Quảng Ninh), Tây Nguyên.	0,25
		– Phân hóa theo tỉnh:	
		+ Các tỉnh phát triển (dẫn đầu về sản lượng đánh bắt, nuôi trồng, giá trị sản xuất).	0,50
		+ Các tỉnh còn lại có sự phân hóa (dẫn chứng).	0,25
		<i>Giải thích:</i>	
		Do sự khác nhau về nguồn lợi và các điều kiện kinh tế – xã hội (dẫn chứng).	0,50
	b	Giải thích tại sao công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành công nghiệp nước ta.	1,00
		Có nhiều thế mạnh để phát triển:	
		– Nguồn nguyên liệu đa dạng, phong phú (dẫn chứng).	0,25
		– Nguồn lao động dồi dào (dẫn chứng).	0,25
		– Thị trường tiêu thụ rộng lớn (dẫn chứng).	0,25
		– Đầu tư vốn ít, quay vòng vốn nhanh (diễn giải).	0,25
7 (3,0 điểm)	a	Nhận xét và giải thích về quy mô, cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	1,50

	<i>Nhận xét:</i> – Quy mô: Lớn nhất là Vùng KTTĐ phía Nam, sau đó là Vùng KTTĐ phía Bắc, nhỏ nhất là Vùng KTTĐ miền Trung (dẫn chứng). – Cơ cấu: Tiến bộ nhất là cơ cấu GDP của Vùng KTTĐ phía Nam (khu vực I chỉ chiếm 9,5%), tiếp theo là Vùng KTTĐ phía Bắc, cơ cấu kém tiến bộ nhất là Vùng KTTĐ miền Trung (dẫn chứng).	0,50 0,50
--	--	-------------------------

		<i>Giải thích:</i> Do sự khác nhau về trình độ phát triển kinh tế của mỗi vùng; nguyên nhân khác: tự nhiên, kinh tế – xã hội (dẫn chứng).	0,50
	<i>b</i>	<i>Giải thích tại sao vùng Trung du miền núi Bắc Bộ có nhiều tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên nhưng sự phát triển kinh tế của vùng còn hạn chế</i>	<i>1,50</i>
		– Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích, khó khăn cho giao thông và sản xuất; các hiện tượng thời tiết cực đoan, khó khăn cho phát triển kinh tế.	0,50
		– Là vùng thưa dân, có nhiều dân tộc thiểu số, trình độ lao động thấp nên hạn chế về thị trường tại chỗ và lao động lành nghề.	0,50
		– Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật còn hạn chế, đặc biệt ở vùng núi.	0,50
<i>Tổng số điểm toàn bài là 20 điểm</i>			

_____HẾT_____

ĐỀ THI CHÍNH THỨC**Môn: ĐỊA LÍ**Thời gian: **180 phút** (không kể thời gian giao đề)Ngày thi: **05/01/2017**

(Đề thi có 02 trang, gồm 07 câu)

Câu 1 (3,0 điểm)

a) Giải thích tại sao giữa chí tuyến và xích đạo có sự khác nhau về nhiệt độ trung bình năm, biên độ nhiệt năm, khí áp, lượng mưa.

b) Tại sao sự phân bố các thảm thực vật từ xích đạo về cực phụ thuộc nhiều vào khí hậu?

Câu 2 (2,0 điểm)

a) Giải thích tại sao trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp ở nhiều nước phát triển, ngành chăn nuôi có tỷ trọng lớn hơn ngành trồng trọt.

b) Tại sao trong quá trình công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển, nhập siêu là xu thế chủ yếu?

Câu 3 (3,0 điểm)

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích tác động của cấu trúc địa hình nước ta đến sông ngòi.

b) Giải thích tại sao đất feralit và hệ sinh thái rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh đặc trưng cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta.

Câu 4 (3,0 điểm)

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích sự khác nhau về chế độ nhiệt của vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ với vùng khí hậu Nam Bộ.

b) Frông lạnh tác động như thế nào đến thời tiết và khí hậu Bắc Bộ? Tại sao ở Nam Bộ mưa nhiều vào mùa hạ, còn ở ven biển Trung Bộ mưa nhiều vào thu đông?

Câu 5 (3,0 điểm)

a) Căn cứ vào bảng số liệu sau, so sánh sự chuyển dịch cơ cấu lao động và chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế ở nước ta, giai đoạn 2010 – 2015.

**CƠ CẤU LAO ĐỘNG VÀ CƠ CẤU GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ
Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2015**

(Đơn vị: %)

Năm	Lao động			GDP			
	Nông – lâm – ngư nghiệp	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ	Nông – lâm – ngư nghiệp	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm
2010	49,5	14,6	35,9	18,4	32,1	36,9	12,6
2013	46,7	14,9	38,4	18,0	33,2	38,7	10,1
2014	46,3	15,1	38,6	17,7	33,2	39,0	10,1
2015	44,0	16,3	39,7	17,0	33,3	39,7	10,0

(Nguồn: Niên giám thống kê 2015, NXB Thống kê, 2016)

b) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích mạng lưới đô thị ở Tây Nguyên.

Câu 6 (3,0 điểm)

a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh ngoại thương của nước ta phát triển nhanh và có sự phân hóa theo lãnh thổ.

b) Giải thích tại sao công nghiệp điện lực nước ta ngày càng phát triển mạnh.

Câu 7 (3,0 điểm)

a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh và giải thích tình hình sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Sự cố ô nhiễm môi trường biển năm 2016 ở các tỉnh Bắc Trung Bộ gây ra những hậu quả như thế nào cho ngành thủy sản và du lịch?

_____HẾT_____

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Môn: ĐỊA LÍ

Thời gian: 180 phút (không kể thời gian giao đề)

Ngày thi: 05/01/2017

(Hướng dẫn chấm có 03 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1) Cán bộ chấm thi chấm đúng như đáp án, thang điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2) Hướng dẫn chấm chủ yếu được biên soạn theo hướng "mở", chỉ nêu những ý chính. Trong quá trình chấm, cần chú ý đến lí giải, lập luận của thí sinh; nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.

3) Cán bộ chấm thi không quy tròn điểm bài thi.

II. HƯỚNG DẪN CHẤM CHI TIẾT

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1	a	<i>Giải thích tại sao giữa chí tuyến và xích đạo có sự khác nhau về nhiệt độ trung bình năm, biên độ nhiệt năm, khí áp, lượng mưa.</i>	2,00
		– Nhiệt độ trung bình năm ở chí tuyến cao hơn ở xích đạo, do ở chí tuyến có diện tích lục địa rộng hơn, áp cao...	0,50
		– Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở chí tuyến cao hơn ở xích đạo, do sự chênh lệch góc nhập xạ và thời gian chiếu sáng giữa hai mùa ở chí tuyến lớn hơn.	0,50
		– Khí áp: Ở chí tuyến, gió từ trên cao giáng xuống hình thành áp cao; ở xích đạo có nhiệt độ cao, hình thành áp thấp.	0,50
		– Lượng mưa: Ở chí tuyến, mưa ít do áp cao, dòng giáng, dòng biển lạnh...; ở xích đạo mưa lớn do áp thấp, dải hội tụ, bốc hơi mạnh, dòng biển nóng.	0,50
	b	<i>Tại sao sự phân bố các thảm thực vật từ xích đạo về cực phụ thuộc nhiều vào khí hậu?</i>	1,00
		- Điều kiện chủ yếu quyết định sự phát triển của thực vật là nhiệt, ẩm, nên sự phân bố của thực vật phụ thuộc vào khí hậu...	0,50
		– Từ xích đạo về cực, sự phân bố các kiểu thảm thực vật chính tương ứng với các kiểu khí hậu chính	0,50
2	a	<i>Giải thích tại sao trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp ở nhiều nước phát triển, ngành chăn nuôi có tỷ trọng lớn hơn ngành trồng trọt.</i>	1,50
		– Cơ sở thức ăn (tự nhiên, từ trồng trọt và thủy sản, chế biến công nghiệp) đảm bảo tốt.	0,50
		– Cơ sở vật chất kĩ thuật (chuồng trại, dịch vụ thú y, giống...) ở trình độ cao; công nghiệp chế biến thực phẩm phát triển mạnh.	0,50
		– Nhu cầu lớn về trứng, thịt, sữa... của dân cư; chính sách phát triển, tiến bộ khoa học công nghệ.	0,50
	b	<i>Tại sao trong quá trình công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển, nhập siêu là xu thế chủ yếu?</i>	0,50
		– Kinh tế phát triển chưa cao; hàng xuất khẩu chủ yếu từ nông – lâm – thủy sản, khoáng sản, hàng công nghiệp gia công, có giá trị thấp.	0,25
		– Công nghiệp hóa đòi hỏi nhập trang thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu để phát triển công nghiệp...đây là những hàng có giá trị cao.	0,25

3	a	<i>Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích tác động của cấu trúc địa hình nước ta đến sông ngòi.</i>	<i>2,00</i>
	–	Địa hình già trẻ lại, nên trên cùng một con sông có nơi dòng chảy chậm, lòng sông rộng, có nơi tốc độ dòng chảy lớn, lòng sông hẹp...	0,50
	–	Địa hình phân bậc nên sông ở miền đồi núi có nhiều bậc, thác ghềnh.	0,50

		– Hướng nghiêng của địa hình theo hướng tây bắc – đông nam, nên hầu hết sông ngòi bắt nguồn từ vùng núi phía tây, tây bắc đổ ra Biển Đông.	0,50
		– Hướng núi tây bắc – đông nam và vòng cung nên sông ngòi cũng có 2 hướng chính là tây bắc – đông nam và vòng cung...	0,50
	b	<i>Giải thích tại sao đất feralit và hệ sinh thái rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh đặc trưng cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta.</i>	1,00
		– Đất feralit là sản phẩm của quá trình feralit, đây là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm.	0,50
		– Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh phát triển trong điều kiện nhiệt ẩm dồi dào quanh năm.	0,50
4	a	<i>Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích sự khác nhau về chế độ nhiệt của vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ với vùng khí hậu Nam Bộ.</i>	2,00
		– Nhiệt độ trung bình năm khác nhau, do tác động của gió mùa Đông Bắc và góc nhập xạ.	0,50
		– Tháng có nhiệt độ cực đại khác nhau, do liên quan đến thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh ở hai vùng khác nhau.	0,50
		– Biên độ nhiệt độ năm khác nhau, do tác động của gió mùa; ngoài ra, còn do ảnh hưởng của khoảng thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh khác nhau của hai vùng.	0,50
		– Biến trình nhiệt khác nhau, liên quan đến khoảng thời gian hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh gần hay xa nhau ở mỗi vùng.	0,50
	b	<i>Frông lạnh tác động như thế nào đến thời tiết và khí hậu Bắc Bộ? Tại sao ở Nam Bộ mưa nhiều vào mùa hạ, còn ở ven biển Trung Bộ mưa nhiều vào thu đông?</i>	1,00
		– Frông lạnh được hình thành giữa khối khí lạnh phương Bắc đến nước ta và khối khí nóng có trước đó; hoạt động theo từng đợt về mùa đông, làm thời tiết biến đổi nhanh chóng, nhiệt độ hạ thấp, gió đổi hướng và gây mưa...	0,50
5		– Nam Bộ mưa nhiều vào mùa hạ, do đây là thời gian hoạt động của gió mùa mùa hạ. Ven biển Trung Bộ mưa nhiều thu đông do tác động của nhiều nhân tố như: áp thấp, bão, dải hội tụ, gió đông bắc gặp dãy Trường Sơn...	0,50
	a	<i>Căn cứ vào bảng số liệu sau, so sánh sự chuyển dịch cơ cấu lao động và chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế ở nước ta, giai đoạn 2010 – 2015.</i>	1,00
		– Giống: Sự chuyển dịch phù hợp với nhau, tỉ trọng của của nông – lâm – ngư giảm; tỉ trọng của công nghiệp – xây dựng và dịch vụ tăng.	0,50
		– Khác: Chuyển dịch CCLĐ nhanh hơn chuyển dịch GDP. Tỉ trọng lao động nông – lâm – ngư giảm nhanh hơn so với mức giảm tỉ trọng trong GDP; công nghiệp – xây dựng và dịch vụ, nhất là dịch vụ tăng nhanh hơn.	0,50
	b	<i>Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích mạng lưới đô thị ở Tây Nguyên.</i>	2,00
		– Nhận xét:	
		+ Số lượng ít.	0,25
		+ Quy mô không lớn.	0,25
		+ Phân cấp thấp.	0,25
		+ Chức năng đơn giản.	0,25
		+ Phân bố dọc theo quốc lộ 14, trên các cao nguyên.	0,50
		– Giải thích: Do tác động của phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, tự nhiên...	0,50

6	a	<i>Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh ngoại thương của nước ta phát triển nhanh và có sự phân hóa theo lãnh thổ.</i>	<i>1,50</i>
		– Tình hình phát triển:	
		+ Tổng kim ngạch liên tục tăng.	0,25
		+ Tăng cả giá trị xuất và nhập, nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu.	0,75
		– Phân hóa theo lãnh thổ:	
		+ Theo vùng: ĐNB, ĐBSH và vùng phụ cận có tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cao, các vùng còn lại thấp hơn...	0,25
		+ Theo tỉnh: TPHCM xuất siêu, Hà Nội nhập siêu, các tỉnh khác có sự phân hóa...	0,25

7	b	Giải thích tại sao công nghiệp điện lực nước ta ngày càng phát triển mạnh.	1,50
		– Nguồn năng lượng dồi dào: Than, dầu, khí tự nhiên, thủy năng, sức gió, năng lượng Mặt Trời...	0,75
		– Công nghiệp khai thác nhiên liệu phát triển, nhu cầu tiêu thụ điện tăng mạnh, chính sách đầu tư phát triển...	0,75
	a	Dựa vào <i>Atlas Địa lí Việt Nam</i> và kiến thức đã học, so sánh và giải thích tình hình sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.	2,50
		– So sánh:	
		+ Đều là trọng điểm sản xuất lúa của cả nước, chiếm tỉ trọng cao cả về diện tích và sản lượng.	0,50
		+ ĐBSH: Diện tích, sản lượng, bình quân theo đầu người thấp hơn, năng suất cao hơn.	0,50
		+ ĐBSCL: Diện tích, sản lượng, bình quân theo đầu người cao hơn, năng suất thấp hơn, sản lượng gạo xuất khẩu lớn hơn.	0,50
		– Giải thích:	
		+ Là 2 đồng bằng châu thổ lớn nhất cả nước, điều kiện tự nhiên thuận lợi, lao động dồi dào và có kinh nghiệm trồng lúa nước; có nhiều cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm.	0,50
		+ ĐBSH có diện tích nhỏ hơn, hệ số sử dụng đất và trình độ thâm canh khá cao, số dân đông hơn...	0,25
		+ ĐBSCL có diện tích lớn hơn, đất màu mỡ hơn và khí hậu thuận lợi hơn, trình độ sản xuất hàng hóa cao hơn...	0,25
	b	Sự cố ô nhiễm môi trường biển năm 2016 ở các tỉnh Bắc Trung Bộ gây ra những hậu quả như thế nào cho ngành thủy sản và du lịch?	0,50
		– Tàn phá nguồn lợi thủy sản và môi trường sông của sinh vật biển, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đánh bắt, nuôi trồng và đời sống người lao động.	0,25
		– Làm hoạt động du lịch biển bị đình trệ (do cá và sinh vật biển chết trên diện rộng cùng với nước biển bị ô nhiễm...)	0,25
Tổng số điểm toàn bài là 20 điểm			

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Môn: ĐỊA LÍ

Thời gian: 180 phút (không kể thời gian giao đề)

Ngày thi: 11/01/2018

(Đề thi có 02 trang, gồm 07 câu)

Câu 1 (3,0 điểm)

a) Giải thích hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa ở khu vực nội chí tuyến. Tại sao số ngày có thời gian ngày dài hơn đêm ở bán cầu Bắc nhiều hơn ở bán cầu Nam?

b) Chứng minh sự hình thành đai áp thấp ôn đới có nguồn gốc từ nhiệt lực. Tại sao ở nơi diễn ra gió Mậu dịch vẫn có những khu vực hoạt động của gió mùa?

Câu 2 (2,0 điểm)

Phân tích mối quan hệ giữa phát triển giao thông vận tải và phân bố sản xuất. Giải thích tại sao hoạt động thương mại trên thế giới ngày càng phát triển mạnh.

Câu 3 (3,0 điểm)

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích tác động của địa hình đến chế độ nhiệt của nước ta.

b) Giải thích tại sao tính nhiệt đới của sinh vật nước ta bị giảm sút.

Câu 4 (3,0 điểm)

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích sự khác nhau của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.

b) Giải thích tại sao có sự khác nhau về chế độ mưa giữa vùng khí hậu Tây Nguyên và vùng khí hậu Nam Trung Bộ.

Câu 5 (3,0 điểm)

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư ở Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Giải thích tại sao hiện nay dân số nước ta đang có xu hướng già hoá.

Câu 6 (3,0 điểm)

Dựa vào bảng số liệu sau, nhận xét và giải thích về tình hình phát triển ngành thủy sản nước ta, giai đoạn 2010 – 2016.

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2016

Năm	Sản lượng thủy sản (nghìn tấn)							Trị giá xuất khẩu (triệu đô la Mỹ)	
	Tổng số	Khai thác			Nuôi trồng			Hàng thủy sản	Cả nước
		Tổng số	Biển	Nội địa	Tổng số	Biển	Nội địa		
2010	5142,7	2414,4	2220,0	194,4	2728,3	163,9	2564,4	5016,9	72236,7
2013	6019,7	2803,8	2607,0	196,8	3215,9	221,8	2994,1	6692,6	132032,9
2015	6582,1	3049,9	2866,2	183,7	3532,2	252,1	3280,1	6568,8	162016,7
2016	6803,9	3163,3	2973,6	189,7	3640,6	284,5	3356,1	7047,7	176580,8

(Nguồn: Niên giám thống kê 2016, NXB Thống kê, 2017)

Câu 7 (3,0 điểm)

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích việc khai thác thế mạnh kinh

tế biển ở Bắc Trung Bộ.

b) Tại sao trong việc thu hút đầu tư nước ngoài ở các vùng kinh tế nước ta cần phải quan tâm nhiều đến vấn đề môi trường?

_____HẾT_____

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Môn: **ĐỊA LÍ**Thời gian: **180 phút** (*không kể thời gian giao đề*)Ngày thi: **11/01/2018***(Hướng dẫn chấm có 03 trang)***I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

1) Cán bộ chấm thi chấm đúng như đáp án, thang điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2) Hướng dẫn chấm chủ yếu được biên soạn theo hướng "mở", chỉ nêu những ý chính. Trong quá trình chấm, cần chú ý đến lí giải, lập luận của thí sinh; nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.

3) Cán bộ chấm thi không quy tròn điểm bài thi.

II. HƯỚNG DẪN CHẤM CHI TIẾT

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1 (3,0 điểm)	a	<i>Giải thích hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa ở khu vực nội chí tuyến. Tại sao số ngày có thời gian ngày dài hơn đêm ở bán cầu Bắc nhiều hơn ở bán cầu Nam?</i>	2,00
		– Giải thích hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa ở khu vực nội chí tuyến. + Xích đạo: đường phân chia sáng tối cắt trục Trái Đất chia Xích đạo ra hai phần bằng nhau, ngày đêm dài bằng nhau quanh năm.	0,25
		+ Các địa điểm khác: mùa hạ, bán cầu mùa hạ chúc về phía Mặt Trời nhận được nhiều ánh sáng hơn, diện tích phần được chiếu sáng lớn hơn phần khuất trong bóng tối, ngày dài hơn đêm; mùa đông ngược lại.	0,75
		– Tại sao số ngày có thời gian ngày dài hơn đêm ở bán cầu Bắc nhiều hơn ở bán cầu Nam?	0,25
		+ Mùa hạ có ngày dài hơn đêm, bán cầu Bắc có mùa hạ dài hơn bán cầu Nam. + Bán cầu Bắc về mùa hạ chuyển động trên quỹ đạo có điểm viễn nhật, sức hút Mặt Trời yếu hơn, vận tốc quay nhỏ hơn, thời gian chuyển động chậm hơn nên số ngày dài hơn; bán cầu Nam ngược lại.	0,75
	b	<i>Chứng minh sự hình thành đai áp thấp ôn đới có nguồn gốc từ nhiệt lực. Tại sao ở nơi diễn ra gió Mậu dịch vẫn có những khu vực hoạt động của gió mùa?</i>	1,00
		– Nhiệt độ cao ở xích đạo làm không khí bị nở ra, thăng lên, đến tầng bình lưu chuyển động về phía cực; không khí bị lạnh đi và lệch ngang do lực Côriôlit, giáng xuống ở chí tuyến, tạo nên đai áp cao cận chí tuyến. Nhiệt độ thấp ở cực làm không khí co lại, nén xuống tạo thành vành đai áp cao cực.	0,50
		– Gió từ chí tuyến và cực thổi về ôn đới gặp nhau bốc lên cao, tạo nên vành đai áp thấp ôn đới.	0,25
		– Gió Mậu dịch thổi từ áp cao cận chí tuyến về áp thấp xích đạo. Do sự phân bố lục địa, đai dương nên các vành đai áp bị chia cắt thành các khu riêng biệt; đồng thời, do tính chất khác nhau nên giữa lục địa và đại dương hình thành các áp cao và áp thấp theo mùa.	0,25

2 (2,0 điểm)		<i>Phân tích mối quan hệ giữa phát triển giao thông vận tải và phân bố sản xuất. Giải thích tại sao hoạt động thương mại trên thế giới ngày càng phát triển mạnh.</i>	<i>2,00</i>
		– Phân tích mối quan hệ giữa phát triển giao thông vận tải và phân bố sản xuất. + Sự phát triển của mạng lưới, phương tiện, loại hình giao thông vận tải tạo điều kiện cho phân bố sản xuất rộng khắp.	0,50

		+ Phân bố sản xuất đòi hỏi giao thông vận tải phát triển cả về mạng lưới, phương tiện và loại hình. – Giải thích tại sao hoạt động thương mại trên thế giới ngày càng phát triển mạnh. + Kinh tế thế giới phát triển mạnh, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn và có nhu cầu cao về máy móc, thiết bị, nguyên liệu, năng lượng... + Thị trường thế giới rộng mở cùng với toàn cầu hoá, thị trường trong các nước ngày càng phát triển. + Điều kiện thương mại ngày càng hiện đại, tiện lợi: giao thông vận tải, thông tin liên lạc, dịch vụ khác...	0,50 0,50 0,25 0,25
3 (3,0 điểm)	a	<i>Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích tác động của địa hình đến chế độ nhiệt của nước ta.</i>	2,00
		– Địa hình phân hoá thành ba đai cao, nhiệt độ trung bình khác nhau. – Địa hình kết hợp với hướng gió tạo nên sự phân hoá về chế độ nhiệt: + Mùa đông: các cánh cung núi ở Đông Bắc hút gió mùa Đông Bắc làm nhiệt độ ở Đông Bắc thấp nhất cả nước; dãy Hoàng Liên Sơn ngăn gió này xâm nhập trực tiếp vào Tây Bắc nên cùng độ cao, nhiệt độ ở Tây Bắc cao hơn Đông Bắc; dãy Bạch Mã ngăn gió mùa Đông Bắc vốn đã bị suy yếu, làm cho nhiệt độ phần lãnh thổ phía Nam Bạch Mã cao hơn... + Mùa hạ: dãy Trường Sơn và các dãy núi chạy dọc biên giới Việt – Lào cùng với gió tây nam từ cao áp Bắc Ấn Độ Dương đến tạo nên hiện tượng phơn khô nóng cho duyên hải miền Trung và phía nam Tây Bắc...	0,75 0,75 0,50
		<i>Giải thích tại sao tính nhiệt đới của sinh vật nước ta bị giảm sút.</i>	1,00
		– Thành phần sinh vật cận nhiệt, ôn đới, cận xích đạo... tăng lên. – Nước ta nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loài thực, động vật; có các luồng sinh vật cận nhiệt, ôn đới, nhiệt đới khô, cận xích đạo đến. – Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có cả khí hậu cận nhiệt, ôn đới và cận xích đạo; địa hình có các đai cao cận nhiệt và ôn đới. – Con người nhập nội các loài phi nhiệt đới...	0,25 0,25 0,25 0,25
	b	<i>Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích sự khác nhau của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.</i>	1,50
		– Độ cao khác nhau, do cường độ nâng trong Tân kiến tạo khác nhau. – Hướng núi khác nhau, do sự chi phối của các mảng và khối nền cổ. – Đặc điểm hình thái khác nhau, do tác động phối hợp của nội lực trong vận động tân kiến tạo và sự phá huỷ của ngoại lực khác nhau giữa hai vùng núi.	0,50 0,50 0,50
		<i>Giải thích tại sao có sự khác nhau về chế độ mưa giữa vùng khí hậu Tây Nguyên và vùng khí hậu Nam Trung Bộ.</i>	1,50
		– Tây Nguyên: tổng lượng mưa lớn hơn do nằm ở sườn đón gió vào mùa hạ, tháng 9 mưa lớn nhất do hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới, mùa mưa từ tháng 5 – 10 trùng với thời kì hoạt động của gió mùa mùa hạ nóng ẩm.	0,75

		– Nam Trung Bộ: tổng lượng mưa nhỏ hơn do nằm ở sườn khuất gió và có nhiều địa điểm nằm ở nơi khuất hoặc song song với hướng gió; tháng 10 hoặc 11 mưa lớn nhất do có áp thấp, bão, gió đông bắc gặp dãy Trường Sơn Nam... hoạt động mạnh, mùa mưa lệch về thu đông do đầu hạ có gió phơn Tây Nam khô nóng và mùa đông có gió đông bắc gặp Trường Sơn Nam gây mưa.	0,75
5 (3,0 điểm)	a	<i>Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư ở Đồng bằng sông Cửu Long.</i>	2,00
		– Mật độ cao, phân bố không đều.	0,50
		– Phân hoá: + Nội vùng: trung tâm dọc sông Tiền, Hậu với Tây Bắc, Tây Nam, Đông Nam.	0,50
		+ Giữa các tỉnh và trong một tỉnh, giữa thành thị và nông thôn...	0,50

		– Giải thích: Chịu tác động của nhiều nhân tố (tự nhiên, kinh tế – xã hội).	0,50
	b	<i>Giải thích tại sao hiện nay dân số nước ta đang có xu hướng già hoá.</i>	1,00
		– Tỷ suất sinh có xu hướng giảm, do tác động của trình độ phát triển kinh tế, chính sách dân số...	0,50
		– Tuổi thọ trung bình có xu hướng tăng, do chất lượng cuộc sống nâng cao, tiến bộ y học...	0,50
6 (3,0 điểm)		<i>Dựa vào bảng số liệu sau, nhận xét và giải thích về tình hình phát triển ngành thủy sản nước ta, giai đoạn 2010 – 2016.</i>	3,00
		– Nhận xét: + Tổng sản lượng, tổng sản lượng khai thác, khai thác biển, nuôi trồng (biển, nội địa) và trị giá xuất khẩu đều tăng; riêng khai thác nội địa không ổn định và có xu hướng giảm. + Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng khai thác, sản lượng khai thác và nuôi trồng biển tăng nhanh hơn nội địa. + Tỷ trọng khai thác biển trong cơ cấu thủy sản lớn hơn rất nhiều so với nội địa, tỷ trọng nuôi trồng biển ngược lại. + Tỷ trọng thủy sản trong trị giá xuất khẩu hàng hoá của cả nước không lớn và có xu hướng giảm.	0,50 0,50 0,50
		– Giải thích: + Có nhiều điều kiện thuận lợi về khai thác biển và nuôi trồng, nhất là nuôi trồng nội địa; hoạt động nghề trong khai thác nội địa có nhiều biến động và nguồn lợi thủy sản nội địa có sự suy giảm. + Chất lượng hàng hoá thủy sản còn hạn chế và thị trường có nhiều biến động.	0,50 0,50
7 (3,0 điểm)	a	<i>Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích việc khai thác thế mạnh kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ.</i>	2,50
		– Thủy sản: + Các tỉnh đều giáp biển, gần các ngư trường vịnh Bắc Bộ, Hoàng Sa... + Đây mạnh đánh bắt, Nghề An là tỉnh trọng điểm... Phần lớn tàu thuyền công suất nhỏ, đánh bắt ven bờ là chính, nhiều nơi suy giảm nguồn lợi rõ rệt. + Phát triển khá mạnh nuôi thủy sản nước lợ, mặn.	0,75
		– Khoáng sản: có ôxit ti tan, nhiều nơi thuận lợi để sản xuất muối. Hiện nay đã khai thác ti tan và làm muối ở một số nơi.	0,50
		– Giao thông biển: có vịnh biển sâu, cửa sông... Xây dựng một số cảng nước sâu (Nghị Sơn, Vũng Áng, Chân Mây), hình thành một số tuyến giao thông biển.	0,50
		– Du lịch biển: + Có nhiều bãi biển đẹp... + Phát triển du lịch biển, các điểm du lịch biển hấp dẫn: Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Lăng Cô...	0,75
	b	<i>Tại sao trong việc thu hút đầu tư nước ngoài ở các vùng kinh tế nước ta cần phải quan tâm nhiều đến vấn đề môi trường?</i>	0,50
		– Đầu tư nước ngoài chủ yếu là các ngành cần nhiều nguyên liệu, nhiên liệu, lao động không cần chuyên môn cao, dễ gây ô nhiễm môi trường.	0,25

		– Một số công ti chuyển giao các kĩ thuật cũ và quy trình sản xuất ít thân thiện với môi trường...	0,25
<i>Tổng số điểm toàn bài là 20 điểm</i>			

_____HẾT_____

Câu 1 (3,0 điểm)

a) Phân tích sự thay đổi nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí, theo địa hình, theo lục địa và đại dương.

b) Giải thích sự hình thành các vùng khô hạn trên Trái Đất.

Câu 2 (2,0 điểm)

a) Phân tích ảnh hưởng của tiến bộ khoa học kĩ thuật, thị trường đến sản xuất nông nghiệp.

b) Giải thích tại sao tỉ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu GDP của các nước phát triển cao hơn các nước đang phát triển.

Câu 3 (3,0 điểm)

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

a) Phân tích đặc điểm địa hình, khí hậu, thủy văn, đất và sinh vật dọc theo lát cắt địa hình C–D: từ biên giới Việt – Trung qua núi Phanxipăng, núi Phu Pha Phong đến sông Chu.

b) Phân tích đặc điểm nhóm đất feralit của nước ta. Địa hình có ảnh hưởng như thế nào đến sự hình thành và phân hoá nhóm đất feralit?

Câu 4 (3,0 điểm)

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

a) So sánh và giải thích chế độ nhiệt, chế độ mưa của vùng khí hậu Tây Bắc Bộ và vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.

b) Giải thích tại sao mực nước lũ ở sông ngòi Bắc Trung Bộ thường lên rất nhanh.

Câu 5 (3,0 điểm)

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư, đô thị ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

b) Giải thích tại sao ở nước ta tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn.

Câu 6 (3,0 điểm)

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích tình hình phát triển và phân bố hoạt động nội thương ở nước ta.

b) Giải thích tại sao hàng dệt, may chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu trị giá xuất khẩu hàng hoá của nước ta. Nêu những hạn chế của hàng dệt, may xuất khẩu nước ta hiện nay.

Câu 7 (3,0 điểm)

a) Cho bảng số liệu sau:

SỐ LƯỢNG LỢN CỦA NƯỚC TA VÀ MỘT SỐ VÙNG NĂM 2010 VÀ 2016

(Đơn vị: nghìn con)

Cả nước/vùng	Năm 2010	Năm 2016
Cả nước	27373,3	29075,3
Đồng bằng sông Hồng	7301,0	7414,4
Đồng bằng sông Cửu Long	3798,9	3803,0

(Nguồn: Niên giám thống kê 2017, NXB Thống kê, 2018)

Căn cứ vào bảng số liệu, nhận xét tình hình chăn nuôi lợn ở vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Giải thích tại sao chăn nuôi lợn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long kém phát triển hơn vùng Đồng bằng sông Hồng.

b) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét quy mô, cơ cấu ngành và sự phân bố của các trung tâm công nghiệp ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

_____HẾT_____

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Môn thi: **ĐỊA LÍ**Thời gian: **180** phút (*không kể thời gian giao đề*)Ngày thi: **13/01/2019***(Hướng dẫn chấm có 4 trang)***I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

1) Cán bộ chấm thi chấm đúng như đáp án, thang điểm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2) Hướng dẫn chấm chủ yếu được biên soạn theo hướng “mở”, chỉ nêu những ý chính. Trong quá trình chấm, cần chú ý đến lí giải, lập luận của thí sinh; nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.

3) Cán bộ chấm thi không quy tròn điểm bài thi.

II. HƯỚNG DẪN CHẤM CHI TIẾT

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1 <i>(3,0 điểm)</i>	a	<i>Phân tích sự thay đổi nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí, theo địa hình, theo lục địa và đại dương.</i>	<i>2,00</i>
		– Theo vĩ độ địa lí:	
		+ Nhiệt độ trung bình năm giảm từ xích đạo về hai cực (diễn giải).	0,25
		+ Biên độ nhiệt năm tăng từ xích đạo về hai cực (diễn giải).	0,25
		– Theo địa hình:	0,25
		+ Càng lên cao nhiệt độ càng giảm, trung bình giảm 0,6 ⁰ C khi lên cao 100m (giải thích).	0,25
		+ Nhiệt độ không khí thay đổi theo hướng phơi của sườn núi (diễn giải).	0,25
		+ Nhiệt độ không khí thay đổi theo độ dốc của sườn núi (diễn giải).	0,25
		– Theo lục địa và đại dương:	0,25
		+ Nhiệt độ trung bình năm cao nhất và thấp nhất đều nằm trên lục địa.	0,25
		+ Biên độ nhiệt độ của đại dương nhỏ, lục địa lớn (diễn giải).	
		+ Nhiệt độ không khí thay đổi theo hai bờ của lục địa (diễn giải).	
	b	<i>Giải thích sự hình thành các vùng khô hạn trên Trái Đất</i>	<i>1,00</i>
		– Do vị trí địa lí: Nằm sâu trong lục địa, cách xa biển...	0,25
2 <i>(2,0 điểm)</i>		– Do khí hậu: Tác động của đai áp cao chí tuyến.	0,25
		– Do địa hình: Sườn khuất gió.	0,25
		– Do thủy văn: Dòng biển lạnh chảy gần bờ.	0,25
	a	<i>Phân tích ảnh hưởng của tiến bộ khoa học – kĩ thuật, thị trường đến sản xuất nông nghiệp.</i>	<i>1,00</i>
		– Tiến bộ khoa học – kĩ thuật:	
		+ Áp dụng cơ giới hóa, thủy lợi hóa, hóa học hóa, điện khí hóa và công nghệ sinh học.	0,25
		+ Chủ động hơn trong sản xuất, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.	0,25
		– Thị trường:	0,25
		+ Tác động mạnh mẽ đến giá cả nông sản, quy mô tiêu thụ...	
		+ Góp phần thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; điều tiết sự hình thành và phát triển	

	các vùng chuyên môn hóa nông nghiệp,... (diễn giải).	
<i>b</i>	<i>Giải thích tại sao tỉ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu GDP của các nước phát triển cao hơn các nước đang phát triển.</i>	<i>1,00</i>
	– Sự phát triển của khu vực dịch vụ chịu tác động bởi nhiều nhân tố: Trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động xã hội, dân cư, đô thị hóa,... – Ở các nước phát triển:	0,25

		+ Trình độ phát triển và năng suất lao động cao nên các dịch vụ kinh doanh phát triển.	0,25
		+ Trình độ đô thị hóa cao, thu nhập và mức sống cao thúc đẩy các dịch vụ tiêu dùng phát triển.	0,25
		– Ở các nước đang phát triển (diễn giải).	0,25
3 (3,0 điểm)	a	<i>Phân tích đặc điểm địa hình, khí hậu, thủy văn, đất và sinh vật dọc theo lát cắt địa hình C–D: từ biên giới Việt – Trung qua núi Phanxipăng, núi Phu Pha Phong đến sông Chu.</i>	1,50
		– Địa hình:	
		+ Nhiều dạng địa hình, trong đó núi và cao nguyên chiếm phần lớn diện tích (dẫn chứng).	0,25
		+ Hướng nghiêng chung tây bắc – đông nam, có sự phân bậc rõ rệt (dẫn chứng).	0,25
		– Khí hậu: Phân hóa theo đai cao và có sự khác biệt giữa các khu vực.	0,25
		– Thủy văn: Các sông chính và hướng chảy.	0,25
		– Đất: Đất feralit trên đá badan, đất phù sa sông, đất feralit trên các loại đá khác.	0,25
		– Sinh vật: Có nhiều thảm thực vật và động vật phong phú.	
	b	<i>Phân tích đặc điểm nhóm đất feralit của nước ta. Địa hình có ảnh hưởng như thế nào đến sự hình thành và phân hóa nhóm đất feralit?</i>	1,50
		– Đặc điểm:	
		+ Quá trình feralit diễn ra mạnh, có sự tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm nên đất có màu vàng đỏ hoặc đỏ vàng, chua, nghèo mùn, dễ bị xói mòn, rửa trôi.	0,25
		+ Chiếm diện tích lớn nhất, tập trung ở miền núi và trung du.	0,25
		+ Đặc điểm của đất feralit trên đá badan, đất feralit trên đá vôi, đất feralit trên các loại đá khác.	0,25
		– Ảnh hưởng của địa hình:	0,25
		+ Quá trình feralit diễn ra mạnh ở đồi núi thấp (chiếm diện tích rộng) nên đất feralit là chủ yếu.	0,25
		+ Đất có sự phân hóa theo đai cao của địa hình.	0,25
		+ Sự phân hóa đa dạng của địa hình ảnh hưởng đến sự đa dạng của đất.	
4 (3,0 điểm)	a	<i>So sánh và giải thích chế độ nhiệt, chế độ mưa của vùng khí hậu Tây Bắc Bộ và vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.</i>	2,50
		<i>So sánh</i>	
		<i>Chế độ nhiệt:</i>	
		– Giống nhau: Nhiệt độ trung bình năm trên 20 ⁰ C (trừ Sa Pa), biên độ nhiệt độ trung bình năm trên 10 ⁰ C (dẫn chứng).	0,25
		– Khác nhau:	0,25
		+ Nhiệt độ trung bình năm, tháng I, tháng VII của Tây Bắc Bộ cao hơn (dẫn chứng).	0,25
		+ Biên độ nhiệt của Đông Bắc Bộ lớn hơn.	0,25
		<i>Chế độ mưa:</i>	
		– Giống nhau: Điều có lượng mưa trung bình năm, có sự phân hóa trong mỗi vùng (dẫn chứng).	0,25
		– Khác nhau:	0,25
		+ Lượng mưa trung bình năm ở Đông Bắc Bộ và Tây Bắc Bộ khác nhau.	

	+ Mùa mưa của Tây Bắc Bộ đến sớm hơn, mùa khô của Đông Bắc Bộ đến sớm hơn. <i>Giải thích:</i> – Giống nhau: do hai vùng đều nằm ở miền khí hậu phía Bắc (diễn giải). – Khác nhau về chế độ nhiệt do: + Đông Bắc Bộ chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc mạnh hơn. + Tây Bắc Bộ có gió Tây khô nóng và chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc yếu hơn. – Khác nhau về chế độ mưa do: Do sự khác nhau về gió và địa hình.	0,25
b	<i>Giải thích tại sao mực nước lũ ở sông ngòi Bắc Trung Bộ thường lên rất nhanh.</i>	0,50
	– Hầu hết các sông nhỏ, ngắn, dốc.	0,25
	– Mưa lớn và tập trung.	0,25

5 (3,0 điểm)	a	Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư, đô thị ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	2,50
		<i>Nhận xét:</i> – Dân cư: + Mật độ dân số vào loại thấp so với cả nước (dẫn chứng). + Phân hóa rõ rệt giữa Tây Bắc và Đông Bắc (dẫn chứng). + Phân hóa giữa trung du, duyên hải và các khu vực còn lại (dẫn chứng). + Phân hóa giữa các tỉnh, trong nội bộ từng tỉnh (dẫn chứng). + Phân hóa giữa thành thị và nông thôn (dẫn chứng). – Đô thị: + Mật độ đô thị thưa, phân bố không đều (dẫn chứng). + Tập trung chủ yếu ở vùng trung du và duyên hải (dẫn chứng). <i>Giải thích:</i> – Trình độ phát triển kinh tế – xã hội của vùng thấp so với cả nước. – Có sự phân hóa trong vùng về trình độ phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng. – Do ảnh hưởng của địa hình, khoáng sản.	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
	b	Giải thích tại sao ở nước ta tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn.	0,50
		– Mật độ dân số ở thành thị cao, công nghiệp và dịch vụ phát triển còn hạn chế. – Nhiều lao động chưa qua đào tạo, lao động từ nông thôn nhập cư nhiều.	0,25 0,25
6 (3,0 điểm)	a	Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích tình hình phát triển và phân bố nội thương ở nước ta.	2,00
		<i>Nhận xét:</i> – Tình hình phát triển: + Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng (dẫn chứng). + Tốc độ tăng của các thành phần kinh tế không giống nhau. + Tốc độ tăng cao nhất là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. + Khu vực kinh tế Nhà nước có tốc độ tăng trưởng thấp nhất. – Phân bố: + Không đều giữa các vùng (dẫn chứng). + Không đều giữa các tỉnh (dẫn chứng). <i>Giải thích:</i> – Do kinh tế phát triển, mức sống nâng cao. – Do sự khác nhau về trình độ phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống, mật độ dân cư, đô thị hóa,...	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
	b	Giải thích tại sao hàng dệt, may chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta. Nêu những hạn chế của hàng dệt, may xuất khẩu nước ta hiện nay.	1,00
		– Tỉ trọng cao do: + Lợi thế về nguồn lao động dồi dào, giá nhân công rẻ. + Mở rộng thị trường. – Hạn chế: + Chủ yếu là hàng gia công, lợi nhuận thấp.	0,25 0,25 0,25 0,25

		+ Phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập, chi phí sản xuất còn cao...	
7 (3,0 điểm)	a	<i>Căn cứ vào bảng số liệu, nhận xét tình hình chăn nuôi lợn ở vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Giải thích tại sao chăn nuôi lợn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long kém phát triển hơn vùng Đồng bằng sông Hồng.</i>	<i>1,50</i>
		<i>Nhận xét:</i>	
		– Là hai vùng chăn nuôi lợn của cả nước (dẫn chứng).	0,25
		– Số lượng lợn ở hai vùng đều tăng (dẫn chứng).	0,25
		– Số lượng lợn ở vùng Đồng bằng sông Hồng lớn hơn (dẫn chứng).	0,25
		<i>Giải thích:</i>	
		– Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện kém thuận lợi hơn. Nhiều diện tích ngập nước, người dân sống chung với lũ,...	0,25

		– Đồng bằng sông Hồng có nhiều thế mạnh: + Dân cư tập trung đông, nhu cầu thực phẩm lớn... + Cơ sở vật chất kĩ thuật, truyền thống nuôi lợn...
	b	<i>Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét quy mô, cơ cấu ngành và sự phân bố của các trung tâm công nghiệp ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.</i> – Quy mô: + Tập trung nhiều trung tâm công nghiệp quy mô lớn. + Gồm 3 nhóm (dẫn chứng). – Cơ cấu ngành: + Các trung tâm lớn có cơ cấu ngành đa dạng (dẫn chứng). + Các trung tâm nhỏ có cơ cấu ngành kém đa dạng (dẫn chứng). – Phân bố: + Tập trung ở TP. Hồ Chí Minh và phụ cận. + Phân bố theo đỉnh tứ giác tăng trưởng.
<i>Tổng điểm toàn bài là 20 điểm</i>		

_____HẾT_____